

Tập 37

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn mươi bảy:

(Sớ) Thượng minh niệm Phật hoạch như thị ích, bất niệm Phật chiêu như thị tổn, cố thuật kỹ ý, duy sùng niệm Phật, kim sơ tiên dĩ độn căn tự lượng dã.

(疏)上明念佛獲如是益，不念佛招如是損，故述己意，唯崇念佛。今初先以鈍根自量也。

(Sớ: Trong phần trên đã nói rõ niệm Phật đạt được lợi ích như thế, không niệm Phật chuốc lấy tổn thất như vậy, cho nên trình bày ý mình: Chỉ đề cao niệm Phật. Nay, trước hết, do tự xét thấy mình là kẻ độn căn).

Chữ “*thượng*” (上) chỉ hai đoạn văn tự lớn trong phần trước, nói rõ lợi ích và công đức niệm Phật, nhất là đối với chúng tôi trong hai ba năm gần đây đã thấy những tướng lành niệm Phật vãng sanh hết sức hy hữu. Năm trước, có một vị lão đồng tu ở Hương Cảng Phật Giáo Đồ Thư Quán vãng sanh trong khi đang xem kinh. Cụ biết trước lúc mất, đã báo tin cho pháp sư Sướng Hoài một tháng trước đó, bảo pháp sư Sướng Hoài rằng cụ sắp ra đi, chẳng sanh bệnh. Hôm cụ mất, pháp sư Sướng Hoài sai người tới nhà cụ lấy Đại Tạng Kinh về, lão cư sĩ đang xem kinh, còn quả người ấy một trận: “Không sai! Tôi nói anh hôm nay đến lấy Đại Tạng Kinh về, nhưng không bảo anh lấy ngay bây giờ”. Người ấy bèn quay về, hai hôm sau trở lại lấy thì lão nhân gia đã vãng sanh rồi. Hỏi người nhà: “Cụ vãng sanh khi nào?” “Sau khi anh về hai tiếng đồng hồ, cụ ngồi vãng sanh ngay tại đó”. Do vậy, pháp sư Sướng Hoài hiện thời niệm Phật, là vì chính mắt thấy sự thật này. Gần đây nhất, tại Los Angeles, tôi thấy Sư cư sĩ cũng là một người biết trước lúc mất, không bệnh mà mạng chung, ngàn vạn phần xác đáng cụ đã vãng sanh, báo trước chuyện này với người nhà: Cụ sắp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh nói rất kỹ về chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đầu là Hạ Phẩm Hạ Sanh cũng chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, chúng ta nhất định chớ nên xem thường, đọc lướt qua câu này. Sở dĩ pháp môn này được gọi là “*chẳng thể nghĩ bàn*” là vì Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo mới chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Ai mới chứng đắc viên mãn ba thứ Bất Thoái? Đẳng Giác Bồ Tát. Vì vậy, đọc tới câu này, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Hạ Phẩm Hạ

Sanh mà viên chứng ba thứ Bất Thoái! Nói cách khác, người Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới bằng với Đẳng Giác Bồ Tát, chuyện này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin! Ngay cả trong kinh luận, đối với pháp môn này, chính đức Phật thường nói: “*Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Trong kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương chư Phật đều chứng minh pháp môn này là pháp khó tin. Tuy khó tin, nhưng rất dễ thành tựu! Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư bảo chúng ta: “*Vạn người tu, vạn người đến*”, điều kiện tu học là Tam Tư Lương, tức là ba điều kiện trọng yếu: Thứ nhất là quý vị phải tin, thứ hai là phải chịu về đó, tức là quý vị phải phát nguyện, thứ ba là quý vị phải niệm Phật trì danh. Tín, Nguyện, Trì Danh là Tam Tư Lương, ba điều kiện ấy.

Chúng ta phải hiểu: Ở trong thế giới Sa Bà khổ sở! Bất luận quý vị thuộc địa vị như thế nào, giàu có cỡ nào, nhưng người nghèo có nỗi khổ của người nghèo, kẻ giàu có nỗi khổ của kẻ giàu, làm quốc vương cũng chẳng được tự tại, vẫn có nỗi khổ riêng. Lên cõi trời làm thiên vương còn bị A Tu La gây rối, phải giao chiến với bọn hắc, thiên vương cũng chẳng tự tại! Đức Phật bảo chúng ta: “*Tam giới đều khổ!*” Chỉ cần ở trong tam giới, tìm chẳng ra một cõi nào vui sướng cả! Chúng ta phải nên giác ngộ điều này. Do vậy, ở đây, Liên Trì đại sư rất miêng buốt lòng khuyên lon, răn nhắc chúng ta, nói rõ công đức và lợi ích của niệm Phật. Không niệm Phật tổn thất quá u lớn lao, tổn thất không chỉ sánh bằng! Đây là nói với ai vậy? Nói với những người tu học các pháp môn khác. Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, họ chẳng niệm Phật, mà học các pháp môn khác. Nói thật thà, [những pháp môn khác] chẳng thể thành tựu, học chẳng thành công. Muốn thành tựu trong thời kỳ Mạt Pháp, chỉ có pháp môn này! Liên Trì đại sư muốn chú giải bộ kinh này, soạn ra bộ Sớ Sao này, dụng ý là như thế này: Đề xướng pháp môn Niệm Phật, “*thôi sùng*” (đề cao) cũng có nghĩa là đề xướng.

Trong đoạn này, trước hết Ngài “*độn căn tự lượng*” (tự xét mình là kẻ độn căn). Nếu Ngài là người căn tánh rất nhạy bén mà tu pháp môn này, chúng ta nhất định sẽ nghĩ: Ngài là bậc căn tánh bén nhạy, thiện căn sâu dày, chúng ta chẳng bằng Ngài; nói chung, chúng ta chẳng có phần! Ngài thị hiện làm một kẻ độn căn, căn tánh của ta cũng rất độn, Ngài tu được thì nói chung là ta cũng có phần, khích lệ chúng ta không gì lớn bằng!

Đời nghiệp vãng sanh, tổ sư dạy chúng ta điều này. Hiện thời có người đề xướng chẳng chấp thuận đời nghiệp, chỉ có thể tiêu nghiệp vãng

sanh. Cách nói ấy là muốn giữ bỏ cách nói này của tổ sư, nói như vậy có được hay chẳng? Tôi thưa cùng quý vị, chẳng thể được! Tuy bọn họ cũng tôn không ít tinh thần suy tưởng để tìm cách giữ bỏ lý luận của tổ sư, tôn chẳng ít công phu tra cứu kinh luận. Trong kinh luận chẳng có câu “*đới nghiệp vãng sanh*”, tiêu nghiệp thì có, có thể tìm được [những câu kinh nói về] tiêu nghiệp, chẳng tìm thấy đới nghiệp. Do vậy, họ phản đối thuyết đới nghiệp của tổ sư, bảo thuyết ấy không đúng. Nếu chúng ta hỏi: “Trong kinh luận Tịnh Độ, có phải là đã nói tới bốn cõi, ba bậc, chín phẩm hay chẳng?” Có! Từ hết thấy kinh luận, quý vị có thể thấy rõ ràng là đức Phật nói như vậy. Nếu chẳng đới nghiệp, ở đâu ra ba bậc, chín phẩm trong bốn cõi? Không có! Nếu chẳng đới nghiệp thì lại thưa với quý vị, chẳng cần vãng sanh nữa! Vãng sanh để làm gì? Chẳng đới nghiệp thì chỉ có một người thôi, ai vậy? Phật! Phật chẳng đới nghiệp. Đẳng Giác Bồ Tát còn đới nghiệp, chuyện này đã được hết thấy các kinh luận Đại Thừa nói rất rõ ràng. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh, Ngài vẫn còn đới nghiệp, sanh tướng vô minh là nghiệp! Quý vị hãy đọc về nghiệp tướng vô minh trong Duy Thức, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn mang theo nó; do vậy, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn đới nghiệp! Vì thế, có thể biết: Thuyết đới nghiệp vãng sanh tuyệt đối hợp lý! Chúng ta đừng bị những lời bịa đặt nhiều loạn cái tâm thanh tịnh của chính mình; điều này rất quan trọng!

Phàm vãng sanh thế giới Tây Phương, không một ai chẳng đới nghiệp, chỉ có thể nói là đới nghiệp nhiều hay ít. Đới nghiệp nhiều, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, đới nghiệp ít, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đới nghiệp nhiều, Hạ Phẩm Hạ Sanh; đới nghiệp ít, Thượng Phẩm Thượng Sanh, không một ai chẳng đới nghiệp. Vậy thì nói “tiêu nghiệp” có hợp lý hay chẳng? Hợp lý! Người tiêu nghiệp nhiều thì đới nghiệp ít, tiêu nghiệp ít thì đới nghiệp nhiều. Tiêu một chút, mang theo một chút; mang theo một chút, tiêu một chút. Do vậy, nói đến “đới” (帶: mang theo) hay nói là “tiêu” đều được. Chỉ chấp nhận tiêu chứ không đới, hoặc chỉ chấp nhận đới chứ không tiêu, đều là trật, hoàn toàn lầm lẫn rồi! Do vậy, chúng ta đọc kinh phải quan sát mọi mặt thì sau đấy mới thấy viên mãn, thấy được lý viên mãn và ý nghĩa viên mãn.

Trước tiên, chúng ta thấy đại sư tự coi mình là kẻ “độn căn”, rất trì độn. Sách Diễn Nghĩa chú giải chữ “*tự lượng*” rất hay.

(Diễn) Tự lượng nhị tự cực giai, thánh chi sở dĩ thành thánh, hiền chi sở dĩ ích hiền dã.

(演)自量二字極佳，聖之所以成聖，賢之所以益賢也。

(Diễn: Hai chữ “tự lượng” tuyệt hay, thánh sở dĩ thành thánh, hiền sở dĩ càng thêm hiền [là do biết tự lượng]).

Thánh nhân sở dĩ thành thánh, hiền nhân sở dĩ càng thêm hiền huệ là vì bản thân họ biết “tự lượng”, tức là tự mình biết đánh giá chính mình. Vì sao nói “sử dụng hai chữ này cực hay”? Đại đa số người học Phật, học những pháp môn khác đều là chẳng tự lượng sức mình, chẳng có năng lực học Thiền mà cứ khăng khăng học Thiền. Không có năng lực học Mật mà cứ khư khư học Mật. Có người hỏi tôi: “Rốt cuộc Mật pháp là tốt hay không tốt?” Đương nhiên là tốt, lẽ nào chẳng tốt? Quá ư là tốt! “Trong Mật Tông nói thành Phật ngay trong thân này (tức thân thành Phật), lời ấy có thật hay không?” Thật đấy! Quả thật là thành Phật ngay trong thân này, lời ấy chẳng giả! “Tốt lắm! Vậy thì tôi cũng học ngay, học Mật sẽ được thành Phật ngay trong đời này”. Vậy là quý vị lầm lẫn quá rồi! Tôi có thể dùng một tỷ dụ để nói chuyện này: Ví như chúng ta đến trường đại học Đài Loan để thăm lớp học Tiến Sĩ của hệ đại học Đài Loan, quý vị thấy những sinh viên trong lớp ấy chẳng mấy chốc tốt nghiệp bèn có học vị Tiến Sĩ. Quý vị hãy nói xem: Đó có phải là sự thật hay không? Thật! Họ học mấy tháng bèn giật được học vị Tiến Sĩ. Quý vị nghe nói vậy, [tự nhủ]: “Tuyệt quá! Tôi cũng phải mau theo học. Nếu tôi học hết hai tháng thì cũng giật được mảnh bằng Tiến Sĩ”. Được chẳng? Trước lớp Tiến Sĩ, người ta còn có lớp Thạc Sĩ, còn có Đại Học, Trung Học, Tiểu Học, mẫu giáo, còn cả một con đường dài ngàn ấy, mà họ đã đi hết rồi. Quý vị không thấy khúc đầu, chỉ thấy được khúc đuôi! Mật Tông là như vậy đó!

Đối với thuyết “tức thân thành Phật” của Mật Tông, phải có tư cách nào mới có thể học được? Bát Địa Bồ Tát! Do vậy, quý vị phải tự lượng sức mình, quý vị có phải là Bát Địa Bồ Tát hay không? Bát Địa là Bất Động Địa (Acalā-bhūmi), Bát Địa Bồ Tát mới có tư cách học Mật, vậy thì những địa vị cao hơn như Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác đương nhiên là tức thân thành Phật! Cao hơn [Bát Địa] chỉ có ba địa vị, trong bốn mươi một đẳng cấp chỉ có ba đẳng cấp trên đây, rất gần với viên mãn. Bản thân chúng ta thuộc địa vị nào? Chẳng những không có tư cách Sơ Địa (Pramuditā-bhūmi), mà nói thật ra, ngay cả Sơ Tín cũng chưa đủ tư cách! Quý vị đâu có năng lực học Mật! Đây là chuyện không thể được! Thật sự là một vị Thượng Sư Mật Tông giỏi thì nếu quý vị muốn học Mật với vị ấy, Ngài sẽ đẩy quý vị ra khỏi cửa: “Anh không đủ tư cách”. Ví như viện

ngiên cứu của trường đại học mở lớp Tiên Sĩ, quý vị ngay cả Tiểu Học còn chưa tốt nghiệp mà muốn đến đó theo học, muốn lấy học vị Tiên Sĩ, quý vị sẽ bị đuổi đi liền! Ngay cả đứng ngoài cửa cũng không cho, một vị Thượng Sư giỏi nhất định sẽ như thế. Nếu có vị Thượng Sư nói: “Không sao cả! Trong lớp Tiên Sĩ của ta, có thể đạt học vị Tiên Sĩ ngay lập tức, chưa học lớp Mẫu Giáo cũng chẳng sao hết, đến chỗ ta học, ta có thể cấp học vị cho nhà người”. Quý vị nghĩ xem: Cấp học vị ấy cho quý vị có ích gì hay không? Cơ quan giáo dục chẳng thừa nhận! Ví như trẻ nhỏ tốt nghiệp Mẫu Giáo, ta cũng cho nó đội nón vương giống như một vị Tiên Sĩ bé, bộ Giáo Dục có thừa nhận hay chẳng? Chẳng thừa nhận! Do vậy, quý vị nhất định phải tự lượng.

Người thật sự tự lượng sẽ học điều gì? Người ấy nhất định thật thà niệm Phật, biết trong tám vạn bốn ngàn pháp môn còn có một pháp môn này để có thể nương cậy được. Hiện thời chúng ta có tư cách, trình độ nơi pháp môn này, được rồi! Chỉ cần đầy đủ ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh, chắc chắn thành công. Trong bộ kinh này, chủ yếu là thảo luận Tín - Nguyện - Hạnh, thế nào là Tín, phát nguyện như thế nào, niệm câu Phật hiệu này như thế nào, đó là những điều cần thảo luận trong bộ kinh này!

(Sớ) Mạt Pháp, tắc sanh chi bất thời.

(疏) 末法，則生之不時。

(Sớ: Mạt Pháp là sanh chẳng đúng thời).

Sanh trong thời kỳ Mạt Pháp cũng là nói “sanh chẳng gặp thời”. Không sanh nhằm thời kỳ Chánh Pháp của Như Lai, chẳng thể thấy Phật. Thế nhưng bản thân chúng ta cũng đừng nên quá ảo não, còn có nhiều người chẳng bằng chúng ta. Rốt cuộc chúng ta còn sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, tuy không thể thấy Phật, nhưng hình tượng Phật vẫn còn, chưa được nghe Phật giáo huấn, nhưng kinh điển nhà Phật vẫn còn lưu truyền trong thế gian. Chúng ta đối trước kinh điển giống như đức Phật thuyết pháp cho chúng ta. Đây là một điều may mắn lớn trong những điều bất hạnh, chúng ta nhất định phải trân quý điều này! Nếu lần này chúng ta đánh mất nhân duyên này, nghĩ đời sau sẽ lại gặp nhân duyên này, khá khó khăn! Tất nhiên thế gian loạn lạc ngày càng sâu, nếu muốn khôi phục sự thuần phác như trong quá khứ thì thưa quý vị, chẳng làm được! Nếu quý vị không tin, hãy xem lịch sử xưa nay, trong, ngoài nước, thế gian chỉ có ngày càng loạn hơn, đời này kém đời trước.

Nếu chúng ta khởi vọng tưởng, đời này chẳng thành tựu, còn có đời sau thì đời sau chẳng biết là đến đời nào hay kiếp nào nữa! Thời kiếp ấy quá ư là dài! Trong thời kiếp dài ngắn ấy, quý vị phải chịu hết mọi nỗi khổ, chẳng biết đến bao giờ mới có thể được nghe Phật pháp? Do vậy, bài kệ Khai Kinh có nói, chúng ta được nghe Phật pháp là “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”. Đời này gặp gỡ, quý vị phải biết là do quý vị có phước báo to nhiều nên mới có thể gặp gỡ. Được gặp gỡ, đó là nhân duyên thù thắng của quý vị. Nói cách khác, đây là cơ hội thành Phật của quý vị.

Thành Phật là vãng sanh, vãng sanh là thành Phật. Trong đời này, quý vị có thể nắm chắc [cơ hội này], quý vị sẽ thành Phật trong đời này. Nếu quý vị chẳng khéo vận dụng, bỏ lỡ cơ hội này, quả thật đáng tiếc, thật sự đáng tiếc! Do đây có thể biết: Dẫu sanh chẳng đúng thời, vẫn còn rất may mắn!

(Diễn) Bất sanh Chánh Tượng.

(演) 不生正像。

(Diễn: Chẳng sanh trong thời Chánh Pháp hay Tượng Pháp).

Đây là Chánh Pháp và Tượng Pháp.

(Sớ) Khứ thánh thời dao.

(演) 去聖時遙。

(Sớ: Thời gian cách Phật đã xa).

Chữ “thánh” (聖) chỉ Phật; thời gian chúng ta cách Phật đã lâu xa. Từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến hiện tại, theo niên đại được ghi chép bởi người Hán, tới năm nay (1985) là 3.012 năm, xa cách khá xa xôi.

(Sớ) Hạ phàm, tắc báo chi bất thắng.

(疏) 下凡，則報之不勝。

(Sớ: Hạ phàm thì quả báo chẳng thù thắng).

“Báo” (報) là quả báo. Hiện tại, chúng ta có thân phàm, địa vị như thế nào? Phàm phu. Chẳng những là phàm phu, mà còn là phàm phu hạng bé! Chúng ta là phàm phu hạng bé, thượng đẳng phàm phu là ai? Chư thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên, những phàm phu trong các cõi ấy là thượng đẳng, như Đại Phạm Thiên là phàm phu tối thượng đẳng.

(Diễn) Phi thánh hiền ứng tích, thị nghiệp hệ phàm phu dã.

(演) 非聖賢應蹟，是業繫凡夫也。

(Diễn: Chẳng phải là thánh hiền thị hiện, mà là phàm phu bị nghiệp chướng trôi buột).

Chúng ta chẳng phải là cổ Phật hay Bồ Tát tái lai. Tôi lại thưa cùng quý vị, phàm những kẻ nào bảo họ là một vị Phật hay Bồ Tát nào đó tái lai, họ đều là nói dối, đều là gạt người! Ngàn vạn phần chớ nên tin tưởng họ, vì sao? Trong Phật pháp chẳng cho phép nói như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật đã căn dặn các vị đệ tử mai sau, chẳng cho phép họ tiết lộ thân phận; chỉ có một trường hợp được tiết lộ thân phận, tức là hễ tiết lộ bèn tịch ngay, tuyệt đối chẳng trụ trong thế gian này nữa, như vậy thì được. Lộ thân phận mà vẫn trụ trong thế gian thì là yêu ngôn mê hoặc đại chúng. Do vì hiện thời tôi nghe nói có rất nhiều pháp sư hoặc cư sĩ thường tự mình tuyên bố, hoặc bảo học trò của họ tuyên bố với bên ngoài, họ là vị Phật nào đó tái lai, có người nói là Văn Thù Bồ Tát tái lai. Có kẻ nói hẳn là tôn giả Đại Ca Diếp hầu bên cạnh Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Suốt ngày từ sáng đến tối đồn thổi ngoài phố! Đó là gạt gẫm người khác, dối gạt những chúng sanh ngu muội trong thế gian. Phàm những ai tin tưởng họ đều là phường mê hoặc, điên đảo, là những kẻ ngu si!

Trong quá khứ, vào thời Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, quốc vương khi ấy cũng là tín đồ Phật giáo rất kiên thành, vì muốn cầu phước, liền mở hội Thiên Tăng Trai nhằm cúng dường một ngàn vị xuất gia. Quốc vương làm Trai Chủ, cúng dường như vậy để cầu phước. Trong số ấy, nhất định sẽ có thánh hiền tăng đến nhận cúng dường, phước báo sẽ rất lớn. Khi dâng cỗ chay, đương nhiên có chỗ ngồi danh dự, mọi người đều rất khiêm hư, nhường nhau chẳng chịu ngồi. Khi ấy, từ bên ngoài có một vị xuất gia bước vào, diện mạo nhếch nhác, mặc quần áo rách teng beng, thấy mọi người đều giữ lễ nhường nhau vị trí ấy, lão nhân gia liền tiến tới trước ngồi xuống, ngồi ở vị trí cao nhất. Quốc vương thấy vậy trong tâm rất khó chịu, nhưng chẳng tiện nói thẳng ra, đều là người xuất gia mà, cũng chẳng biết vị này từ đâu đến, trước kia chưa từng gặp. Vị này có đặc điểm là trái tai rất dài. Do vậy mọi người gọi Ngài là “đại nhĩ đoá hòa thượng” (hòa thượng tai to). Thọ trai xong, quốc vương hỏi Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư: “Trăm cúng trai tăng hôm nay, có thánh nhân đến nhận cúng dường hay không?” Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư nói: “Có! Chính là hòa thượng tai to, Ngài là Nhiên Đăng Cổ Phật tái lai”.

Vừa nghe nói vị ấy là Nhiên Đăng Cổ Phật, tuyệt diệu quá! Lập tức sai người đuổi theo, đi khắp nơi hỏi người ta có thấy vị hòa thượng ấy hay chẳng? Đuổi theo tới một nơi rất xa mới tìm được, thì ra Ngài trụ trong một hang núi. Thân phận bị bộc lộ, mọi người đều biết Ngài là Nhiên Đăng Cổ Phật, quốc vương phái người cung kính đến dập đầu nơi đó, lễ thỉnh Ngài về cung đình nhận cúng dường. Ngài nói một câu: “*Di Đà nhiều thiệt*” (Di Đà leo mép), A Di Đà Phật nói lung tung, lắm mồm tiết lộ thân phận của Ngài. Nói xong, liền viên tịch, qua đời. Sứ giả lại nghĩ: “Di Đà leo mép? Vậy thì Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư vốn là A Di Đà Phật! Không sao! Vị Phật này đã viên tịch, vị Phật kia hãy còn”. Vội trở về báo với quốc vương: “Nhiên Đăng Cổ Phật đã viên tịch, nhưng A Di Đà Phật vẫn còn”. Quốc vương cũng rất cao hứng, Vĩnh Minh vốn là A Di Đà Phật tái lai. Đang cao hứng, bên ngoài có người báo tin chạy đến rất gấp, đưng phải quốc vương ngã lăn kềnh. Quốc vương hỏi: “Chuyện gì?” Người đến báo tin tâu: “Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đã viên tịch”. Thân phận vừa bộc lộ liền ra đi, tuyệt đối chẳng ở trong cõi đời nữa!

Quý vị phải hiểu: Vào thời cổ ở Trung Quốc, những trường hợp như vậy rất nhiều, chẳng hề có chuyện sau khi thân phận bộc lộ mà vẫn ở trên đời. Giống như Di Lặc Bồ Tát, lão nhân gia thị hiện làm hòa thượng Bồ Đại. Khi Ngài sắp tịch, tự nói Ngài là Di Lặc Bồ Tát. Nay chúng ta tạc tượng Ngài mập mạp, cười hề hề, Ngài là người đời Tống, cùng thời với Nhạc Phi, là người huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Lúc Ngài lâm chung, bảo đại chúng Ngài là Di Lặc Bồ Tát. Do vậy, về sau, chúng ta tạc tượng Di Lặc Bồ Tát là tạc tượng Ngài. Đây là kiến thức thông thường nhất định phải biết: Bộc lộ thân phận thì chắc chắn chẳng có lý do nào để trụ trong thế gian nữa!

Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Ngài bị bộc lộ thân phận thì quý vị có thể đọc Vĩnh Tư Lục¹ sẽ thấy: Chuyện này được một vị đệ tử quy y với Ngài ghi chép. Cô ta [lúc ấy] là một thiếu nữ, đang học Sơ Trung (Trung Học Độ Nhất Cấp, cấp hai), trước kia chưa hề tiếp xúc Phật giáo, đột nhiên có một đêm nằm mộng, mộng thấy Quán Âm Bồ Tát. [Hình tượng] Quán Âm Bồ Tát rất quen thuộc, mặc y phục trắng, diện mạo rất từ ái, an tường, cô ta nhận ra ngay. Người chẳng tin Phật giáo cũng biết Quán Âm Bồ Tát. Trong mộng, cô ta thấy Quán Âm Bồ Tát bảo: “Đại Thế Chí Bồ Tát nay đang hoằng pháp tại Thượng Hải, người nên đến

¹ Vĩnh Tư Lục tên gọi đầy đủ là Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Tư Tập do Hải Lượng biên tập. Đây là tác phẩm tổng hợp những bài viết, câu đối, cảm hoài, những mẫu chuyện về Ấn Quang Đại Sư do các môn nhân, đệ tử viết ra sau khi Ngài đã viên tịch.

thân cận Ngài”. Cô ta thưa: “Con không biết Đại Thế Chí Bồ Tát, rốt cuộc là vị nào vậy?” Quán Âm Bồ Tát bảo cô ta: “Pháp sư Ấn Quang chính là Đại Thế Chí Bồ Tát”. Hôm sau, cô ta tỉnh dậy, cảm thấy rất kỳ quái, cũng rất băn khoăn, bèn hỏi người nhà, người nhà đều không biết, cũng chẳng biết trong Phật giáo có một vị Đại Thế Chí Bồ Tát, càng chẳng biết tới pháp sư Ấn Quang. Đến cuối cùng, hỏi một người thân thích trong gia tộc, ông ta biết có Đại Thế Chí Bồ Tát, nhưng không biết pháp sư Ấn Quang. Do vậy, cô ta hỏi dò, hỏi dò rất lâu, có người bảo cô ta: “Ở Phổ Đà Sơn có một vị pháp sư tên là Ấn Quang, không sai! Hiện thời Sư được các cư sĩ mời sang Thượng Hải hoằng pháp”.

Do vậy, người trong nhà rất vui sướng đến lễ bái lão hòa thượng. Gặp lão hòa thượng, cô ta bèn đem chuyện trong mộng kể lại. Lão hòa thượng mắng cô ta một trận toí bời: “Ta chẳng cho phép người kể chuyện này với bất cứ ai, đó là nói nhăng, nói cuội!” Thế nhưng Quán Âm Bồ Tát bảo cô ta, Đại Thế Chí Bồ Tát chỉ còn trụ thế bốn năm nữa; do vậy, sau khi bị pháp sư Ấn Quang quả mắng một trận, cô ta không dám nói nữa, nhưng bốn năm sau, quả nhiên Ấn Quang đại sư vãng sanh. Sau khi Ngài vãng sanh, cô ta mới đem câu chuyện này viết ra. Do vậy, mọi người mới biết: Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai!

Đâu có vị nào tự mình phô trương ta là Phật này, là Bồ Tát nọ tái lai? Phàm kẻ nào nói những lời đó, đều là yêu ma, quỷ quái, chắc chắn không thể tin tưởng. Đây là nói đến chuyện “*thánh hiền ứng tích*”, chuyện này tại Trung Quốc hết sức nhiều. Quý vị đọc Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện, tại Trung Quốc, trải các đời, các vị Phật, Bồ Tát dùng thân phận xuất gia và tại gia thị hiện trong thế gian này rất ư là nhiều! Hiện thời có hay không? Đương nhiên là có. Khi chúng sanh càng khổ nạn, Phật, Bồ Tát ứng hiện càng nhiều, nhưng chắc chắn quý vị chẳng nhận biết, các Ngài cũng chắc chắn chẳng bộc lộ thân phận. Hễ thân phận bị bộc lộ bèn ra đi lập tức, chúng ta hãy nên hiểu rõ điều này!

“*Thị nghiệp hệ phàm phu*” (là phàm phu bị nghiệp chướng trói buộc), đích xác! Chúng ta bị nghiệp buộc ràng. Nghiệp là gì? Thiện nghiệp, ác nghiệp. Trong thiện nghiệp sanh tham ái, bị tham ái ràng buộc. Trong ác nghiệp sanh sân hận, bị sân hận ràng buộc. Nói cách khác, thấy sắc, nghe tiếng, quý vị sanh phiền não, mừng, giận, buồn, vui, thất tình, ngũ dục là phiền não, quý vị bị nghiệp ràng buộc, chẳng được tự tại. Đây là phàm phu, phàm phu bị trói buộc bởi nghiệp. Do vậy, quả báo của chúng ta chẳng thù thắng. Phật, Tổ dạy chúng ta buông xuống vạn duyên, tức là buông xuống nỗi khổ do bị nghiệp ràng buộc, khiến cho chính mình trong

cuộc sống, bất luận gặp thuận cảnh hay ở trong nghịch cảnh, thời thời khắc khắc giữ cho thân tâm của chính mình thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh là trong hết thấy pháp chẳng sanh phân biệt, chẳng chấp trước, cũng đừng khởi vọng tưởng. Vì sao? Những thứ ấy đều chẳng chân thật. Do vậy, cô nhân dạy chúng ta: “*Thiểu thuyết nhất cú thoại, đa niệm nhất thanh Phật*” (Ít nói một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật). Nói những lời nhảm nhí, chẳng có ý nghĩa gì cả! Hãy niệm Phật cho nhiều!

Niệm Phật nhiều, quý vị phải hiểu: Niệm Phật là tiêu nghiệp chướng. Vì sao? Quý vị khởi tâm động niệm, khởi vọng tưởng là nghiệp chướng. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối nói những câu nhảm nhí, đó là nghiệp chướng. Niệm Phật, quý vị chẳng khởi vọng tưởng, cũng chẳng nói nhảm nhí, há nghiệp chướng chẳng tiêu trừ ư? Chúng ta hằng ngày mong cầu tiêu tai, dùng phương pháp nào? Niệm Phật là phương pháp tiêu tai tốt nhất, là phương pháp tiêu nghiệp chướng hay nhất, quý vị phải biết dùng! Nếu chúng ta thật sự biết dùng, sẽ có thể giác ngộ, quả báo sẽ khá thù thắng. Nếu chẳng biết dùng, quả báo chẳng thù thắng. Quả báo thù thắng hay không là do một niệm của chúng ta giác hay mê.

(Sớ) Cùng tu, tắc kiến chi bất quảng.

(Diễn) Kiến chi bất quảng giả, bất sanh Trung Hoa Phật quốc, thân chá đa hiền quảng kỳ văn kiến dã.

(疏) 窮陬，則見之不廣。

(演) 見之不廣者，不生中華佛國，親炙多賢廣其聞見也。

(Sớ: “Cùng tu” là kiến giải chẳng rộng rãi.

Diễn: “Kiến giải chẳng rộng”: Chẳng sanh trong Trung Hoa Phật quốc², thân cận nhiều vị hiền nhân hồng mở rộng sự hiểu biết vậy).

Trong Phật pháp nói đến “*sanh địa*” tức là nơi chúng ta sanh ra. Nơi thù thắng nhất là nơi có Phật pháp hoàng dương. Quý vị rất dễ dàng tiếp xúc Phật pháp, đó là thù thắng. Nhìn từ điểm này, ngày nay chúng ta quả thật chẳng bằng thời đại của Liên Trì đại sư. Vì sao? Thời đại ấy, người hoàng dương chánh pháp vẫn còn đông. Tuy đông, nhưng cơ hội thân cận chẳng nhiều. Vì sao? Khoảng cách quá xa! Quý vị phải hiểu, hiện

² Do thuở ấy, Trung Hoa là xứ phát triển, văn minh nhất, Phật giáo hưng thịnh nhất trong cả khu vực nên pháp sư Cổ Đức mới nói như vậy. Hãy nên hiểu theo nghĩa rộng: “Chẳng sanh Trung Hoa Phật quốc” là chẳng sanh vào những nơi có văn hóa phát triển, Phật giáo hưng thịnh.

thời giao thông thuận tiện, thời ấy muốn nghe kinh phải đi đường bộ! Tự viện nào đang giảng kinh thì tự viện ấy cũng cách chúng ta mười dặm, hai mươi dặm, đi tới đi lui gần như phải mất năm, sáu tiếng đồng hồ đi đường. Do vậy, rất khó đi nghe kinh một lượt, chẳng giống như hiện thời lái xe hay ngồi xe bèn tới ngay, [thuở xưa] đâu được thuận tiện như vậy!

Tuy vậy, trong Bồ Tát Giới Kinh có nói, người đã thọ Bồ Tát Giới, trong vòng bốn mươi dặm có pháp sư giảng kinh mà quý vị không đi nghe thì sẽ phạm giới. Quý vị đến ủng hộ đạo tràng trong vòng bốn mươi dặm, vào thuở ấy, đi đường bộ thì phải đi mấy tiếng đồng hồ? Phải đi năm tiếng, từ sáng tinh mơ, đi năm tiếng đến đó để nghe giảng kinh một buổi, quay về là năm tiếng nữa, thật sự chẳng dễ dàng! Quý vị có thời gian rảnh rang nhiều như vậy hay không? Đó là tính trong trường hợp quý vị chẳng cần đi làm. Chứ có công việc thì chẳng có cách nào hết! Đối với khoảng cách bốn mươi dặm, trong một ngày quý vị có thể đến rồi về, nơi ấy có giảng kinh thì quý vị phải đến nghe. Nếu trong một ngày chẳng thể đến rồi về, quý vị không đi cũng được. Hiện thời, bốn mươi dặm thắm vào đâu! Bốn mươi dặm là hai mươi kí lô mét, hiện thời quý vị ngồi xe hai mươi phút đã đến nơi rồi. Do vậy, về phương diện này, con người hiện thời có phước báo lớn hơn cổ nhân, nhưng nhân duyên giảng kinh chẳng bằng cổ nhân, vì sao? Trong thời đại hiện tại, giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng*”. Tà và chánh chẳng thể phân biệt, quá ư là khó! Chúng ta hảo tâm học đạo, nếu gặp phải một gã tà sư, chẳng phải là oan uổng ư? Do vậy, xét theo điều này thì quả thật chẳng bằng trước kia.

Trước kia, trong thời đại đế vương, giảng kinh chẳng phải là tùy tiện giảng được. In kinh cũng chẳng thể tùy tiện in. Quý vị muốn in hay lưu thông một bộ kinh, phải được chánh phủ phê chuẩn, chẳng phê chuẩn sẽ chẳng thể tùy tiện lưu thông văn tự ấy. Do vậy, trước kia, kinh điển đều do hoàng đế ban phát, dấu soạn chú giải, trước hết phải dâng lên cho hoàng đế duyệt, hoàng đế có thời gian đâu mà xem? Ông ta kiểm những vị pháp sư, đại đức cư sĩ, tìm những vị chuyên gia [ra lệnh cho họ] đọc, xem [tác phẩm ấy] có vấn đề hay không? Không có vấn đề, được! Hạ thánh chỉ cho phép lưu thông, mọi người đều có thể khắc in. Nếu chẳng được quốc gia ban bố, nhất định cấm ngặt lưu thông. Giảng kinh, thuyết pháp, dù là pháp sư, hay là cư sĩ, cũng phải được triều đình hoặc là quan lại địa phương chấp nhận thì mới được! Hiện thời, dân chủ, tự do, quý vị thích in gì cứ in nấy, chẳng có ai can thiệp. Do vậy, hiện đại quả thật là không chỉ là “*ma cao một trượng, đạo cao một thước!*” Tình hình không phải chỉ là như

vậy! Vì thế, chúng ta sống trong thời đại này, khôn đốn, mê hoặc nhất là vì chuyện này!

Nếu chúng ta muốn tránh né chuyện rồi ren này, phải làm sao? Biện pháp duy nhất là đọc sách cổ. Sách cổ đã được khảo nghiệm qua lịch sử, chúng đã được chứng minh, khảo nghiệm, đã lưu truyền mấy trăm năm. Nếu chẳng phải thật sự là những thứ tốt đẹp, sẽ chẳng được lưu truyền, trong mấy trăm năm qua đã sớm bị đào thải! Những tác phẩm vẫn chưa bị đào thải, vẫn còn có thể được lưu truyền đến ngày nay, nhất định khá có giá trị! Do vậy, chúng ta đọc sách cổ. Sách cổ có khó đọc hay chẳng? Chẳng khó! Chỉ cần quý vị có tâm nhẫn nại, dốc sức hai, ba năm! Cổ văn là văn chương viết theo thể loại Văn Ngôn, quý vị sẽ đọc thông thạo. Nhất là trong thời hiện tại, chúng ta học tập đâu không có thầy vẫn có thể tự tập luyện. Bộ Cổ Kim Văn Tuyển do Quốc Ngữ Nhật Báo phát hành cũng thu thập không ít bài cổ văn hay, chú âm (ghi chú cách đọc) lẫn chú giải đều tinh vi, tường tận, tự mình quả thật có thể tự trau dồi [bằng cách đọc bộ sách ấy]. Nếu toàn tâm toàn lực nghiên cứu kinh điển, chỉ cần chịu tốn chút công sức tra từ điển, [sẽ thấy] ý nghĩa sẽ chẳng khó hiểu. Quý vị phải biết, so ra, văn tự trong kinh Phật giản dị hơn cổ văn nhiều lắm, đó là văn tự đơn giản nhất trong thời ấy. Phật pháp đòi hỏi phổ biến lưu thông, cho nên chẳng dùng những câu chữ sâu xa, khó hiểu, sợ những người bình thường đọc không hiểu. Phật pháp trong khi phiên dịch đã được suy xét sao cho đại chúng hóa và phổ biến hóa. Do vậy, văn tự trong kinh Phật được gọi là “*biến văn*”, tức là loại văn biến thể, nói cách khác, là một loại văn Bạch Thoại thời ấy, rất dễ hiểu! Có nhiều bà cụ niệm Phật không biết chữ cũng có thể niệm kinh, hiểu được nghĩa kinh, đạo lý là ở chỗ này.

Nói đến “*kiến văn*” thì học Phật quả thật là phải cầu học rộng nghe nhiều. Nói theo mặt lý luận thì không sai, nhưng nói theo mặt Sự, phải có chừng mực, chúng ta chớ nên không hiểu điều này. Phương pháp học hành trong thế gian hiện thời giống như Hồ Thích³ đã ví von: Học hành giống

³ Hồ Thích (1891-1962), vốn có tên là Tịch Môn, tự Hy Cương, về sau đổi tên thành Hồ Thích, tự là Thích Chi, bút danh Thiên Phong, Tạng Huy v.v... là người huyện Tích Khê, tỉnh An Huy, là một triết gia kiêm lãnh tụ văn hóa thời đầu Dân Quốc. Ông thường được coi là một học giả do nghiên cứu nhiều lãnh vực như văn học, triết học, sử học, khảo cứu, giáo dục, luân lý, hồng học (nghiên cứu tác phẩm Hồng Lâu Mộng), từng được tặng giải Nobel văn học vào năm 1939. Ông cũng là một trong những lãnh tụ của phong trào Ngũ Tứ Vận Động, chủ trương phế bỏ Văn Ngôn, cải cách văn hóa, chuyên dùng Bạch Thoại, cực lực đề xướng chủ nghĩa thực nghiệm (pragmatism). Năm 1910 (lúc 18 tuổi), ông sang Mỹ học ngành canh nông tại đại học Cornell, sau đấy chuyển sang học văn chương, đến năm 1914 theo học Triết tại đại học Columbia,

như kim tự tháp (pyramid). Kim tự tháp phía dưới rộng, trên đỉnh nhọn hoắt. Có ý nghĩa như thế này: Học vấn phải học rộng nghe nhiều rồi mới chuyên tinh một môn; đây là pháp thế gian. Đối với Phật pháp, phải lật ngược kim tự tháp, Phật pháp là “trước chuyên, sau rộng”. Quý vị học hành trong nhà trường, phải học mấy chục môn, càng học lên lớp cao hơn, học đến Đại Học, nghiên cứu sinh thì những thứ để học càng chuyên, giống như kim tự tháp lên đến chót đỉnh. Đó là nói theo học vấn thế gian. Phật pháp không như vậy, cổ nhân thường dùng cái cây để làm tỷ dụ, Phật pháp trước hết cầu điều gì? Cầu rễ, cầu gốc, gốc là cái thân chánh yếu, rồi từ cái thân chánh yếu mà trở cành, đơm hoa, kết quả, càng ngày càng rộng rãi. Do vậy, phương pháp tu học trong cửa Phật và pháp thế gian hoàn toàn tương phản: [Trong nhà Phật], trước hết dồn công sức nơi một môn, thành tựu môn ấy rồi mới có thể học rộng nghe nhiều. Do vậy, học rộng nghe nhiều chẳng phải là để nói với kẻ mới học. Ai tu “học rộng nghe nhiều”? Bồ Tát! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, đây là học rộng, nghe nhiều; nhưng quý vị phải hiểu: Căn bản của Thiện Tài là ở chỗ Văn Thù Bồ Tát, Ngài đã được đặt định cơ sở vững vàng, đã thành tựu trong pháp hội của Văn Thù Bồ Tát, thành tựu Căn Bản Trí, đã tốt nghiệp rồi, đi ra ngoài tham học để cầu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là học rộng, nghe nhiều, Căn Bản Trí là chuyên dốc sức nơi một môn.

Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Ngài dạy Thiện Tài pháp môn niệm A Di Đà Phật. Tôi chẳng gạt quý vị, thật đấy! Vì sao biết? Trong kinh Hoa Nghiêm không ghi chép, quý vị có dò kinh Hoa Nghiêm sẽ chẳng thấy. Vì sao tôi biết? Tôi dựa theo kinh điển để phán đoán. Sự phán đoán này tuyệt đối chính xác, vì sao? Chính Văn Thù Bồ Tát niệm A Di Đà Phật, trong kinh Hoa Nghiêm có chép Ngài cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, Ngài dạy các đồ đệ, nhất là đối với đồ đệ đặc ý nhất, chắc chắn phải dạy người ấy học cùng một pháp môn. Do vậy, tôi nghĩ Thiện Tài đồng tử nhất định tu pháp môn Niệm Phật. Đây là tôi dựa theo sự tu học của chính Văn Thù Bồ Tát để phán đoán. Thiện Tài đồng tử đi tham học, vị thiện tri thức đầu tiên Ngài gặp chính là tỳ-kheo Đức Vân, dạy Ngài niệm Phật, vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, mười

trực tiếp học Triết với triết gia John Dewey. Năm 1917, về nước dạy học tại đại học Bắc Kinh. Ông từng làm đại sứ toàn quyền của Trung Hoa Dân Quốc tại Mỹ năm 1938 cũng như đảm nhiệm các chức vụ viện trưởng, khoa trưởng của nhiều đại học khác nhau. Ông đặc biệt tôn sùng triết gia A. L. Huxley và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi tư tưởng của ông này.

đại nguyên vương dẫn về Cực Lạc. Nhìn từ những “sợi tơ nhện, dấu chân ngựa” này, nhất định là Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử niệm A Di Đà Phật, chẳng sai! Từ dấu tích ấy, chúng ta có thể thấy được!

Tiếp đó, còn có một chứng cứ rất rõ rệt, tức là tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông chúng ta là thiền sư Pháp Chiếu. Trong lời tựa cuốn Niệm Phật Phổ có chép chuyện này rất rõ ràng. Phương pháp Ngũ Hội Niệm Phật do đâu mà có? Do thiền sư Pháp Chiếu truyền lại. Ngài vốn học Thiền, đã đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông. Lão nhân gia gặp được Văn Thù Bồ Tát ở Ngũ Đài Sơn, khi ấy, Ngài trụ tại một nơi thuộc Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam. Có một buổi sáng Ngài ăn cháo, chợt thấy trong bát đựng cháo xuất hiện cảnh giới giống như chúng ta nhìn vào màn hình TV vậy, thấy núi Ngũ Đài rõ ràng. Văn Thù Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp tại đó, có hơn một vạn Bồ Tát vây quanh. Ở cửa chùa ấy có đề bảng tên rất rõ ràng “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”. Cách đi đường như thế nào Ngài cũng biết rõ. Vì vậy, Ngài liền phát tâm triều bái Ngũ Đài Sơn. Đến Ngũ Đài Sơn, vì Ngài vốn đã trông thấy từ trước, đã có ấn tượng, nên đường lối rất quen thuộc, tìm được Đại Thánh Trúc Lâm Tự, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng một thời kinh. Nghe giảng xong, Ngài thỉnh giáo Văn Thù Bồ Tát: “Thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh căn tánh rất tệ, phiền não rất nặng, tu pháp môn nào thì mới có thể thành tựu?” Văn Thù Bồ Tát dạy Ngài niệm Phật, khuyên Ngài tu pháp môn Niệm Phật. Ngài bèn hỏi: “Niệm vị Phật nào?” Bồ Tát liền dạy Ngài niệm A Di Đà Phật, còn dạy cho Ngài cách niệm như thế nào. Đó là [phương pháp] Ngũ Hội Niệm Phật. Đây là phương pháp do Văn Thù Bồ Tát truyền cho ngài Pháp Chiếu, ngài Pháp Chiếu truyền lại [cho hậu thế]. Do vậy, chúng ta biết Văn Thù Bồ Tát dạy Pháp Chiếu niệm A Di Đà Phật thì truyền dạy Thiện Tài nhất định cũng là niệm A Di Đà Phật.

Thiện Tài đồng tử niệm đến nhất tâm bất loạn, nên mới có tư cách đi tham phỏng. Niệm đến nhất tâm bất loạn, giống như cây đã có cội, có gốc, nên cành, lá, hoa, quả mới trở xum xuê. Đây chính là thứ tự tu học trong Phật môn khác với thế gian. Do vậy, trải các đời, Phật giáo Trung Quốc luôn có nhân tài xuất hiện, đời nào cũng có không ít nhân tài. Đến ngày nay, Phật giáo không có nhân tài, nhân tài thưa thớt, vì nguyên nhân nào? Chẳng tuân thủ phương pháp cố hữu! Hiện thời, Phật Học Viện được tổ chức giống như học viện thế gian, cũng lập ra mấy chục môn học, mời bao nhiêu vị thầy, giống như xây kim tự tháp, trước tiên là rộng rãi, đến cuối cùng không còn nữa. Từ sau khi kháng Nhật thành công, Đài Loan đã mở bao nhiêu Phật Học Viện, nhưng Phật Học Viện chẳng đào tạo nổi

nhân tài là do phương pháp sai lầm. Tôi học Phật, học với thầy Lý ở Đài Trung mười năm, thầy Lý sử dụng phương pháp dạy học theo lối xưa: Mỗi học sinh chỉ được học một bộ kinh. Nếu quý vị phát tâm học hai bộ kinh, thầy không dạy. Ngài nói quý vị không có năng lực. Do vậy, mỗi học sinh chỉ có thể học một bộ kinh. Cách dạy học, cách nhìn, cách làm ấy của lão nhân gia hoàn toàn không giống người khác. Trên thực tế, Ngài dạy học chỉ có hai năm, từ năm Dân Quốc 47 (1958) đến năm Dân Quốc 48 (1959), trong hai năm huấn luyện hai mươi mấy học trò, chúng tôi ai nấy đều có thành tựu, so với Phật Học Viện thì thành tựu cao hơn rất nhiều. Hiện thời hai mươi mấy người chúng tôi giảng kinh, thuyết pháp tại các nơi ở Đài Loan. Phương pháp quan trọng lắm! Nếu làm đúng cách, sẽ thật sự có nhân tài xuất hiện.

Người như thế nào mới có tư cách giảng kinh? Thưa quý vị, mỗi người đều có tư cách, quý vị đừng coi thường chính mình. Thuở ấy, chúng tôi vừa mới đến Đài Trung, nghe nói giảng kinh trong lòng sợ hãi, tôi làm sao giảng kinh được? Thuở ấy, tôi học Phật, trước nay chưa hề mơ tưởng trong tương lai sẽ giảng kinh, chuyện này quá khó khăn! Tôi nhất định không làm được, đâu dám có ý niệm ấy. Kết quả là khi ấy đúng dịp thầy Lý mở lớp dạy giảng kinh, tôi đến Đài Trung, lớp học ấy mới khai giảng được một tháng, mỗi tuần học một buổi, nói cách khác, tôi mới bỏ sót bốn buổi học. Tôi theo học lớp ấy vào buổi học thứ năm, vào lớp ấy xem thử, tín tâm của tôi liền đầy đủ, không khó lắm, tôi cũng làm được, vì sao? Thấy tuổi của những bạn đồng học bảy phần mười đều lớn hơn tôi, lớn hơn rất nhiều; lại thấy có những vị học vẫn không bằng tôi, tôi đã học xong Sơ Trung, họ vừa học xong Tiểu Học, còn có người chưa học xong Tiểu Học nữa, thua tôi! Những người đã học Cao Trung, học thức cao hơn tôi đại khái chỉ có ba bốn người. Tuổi lớn nhất là bà Lâm Khán Trị⁴, khi

⁴ Lâm Khán Trị (1907-1992) là một vị nữ cư sĩ nổi tiếng của Phật Giáo Đài Loan. Bà sanh tại trấn Lộc Cảng, huyện Chương Hóa (Đài Loan), trong một gia đình thư hương, nhưng mồ côi cha mẹ từ nhỏ, nếm trải đủ mùi nhọc nhằn. Năm 35 tuổi, do nghe danh pháp sư Bân Tông, bà chú tâm đề ý học Phật, bắt đầu ăn chay, học Phật, quy y với pháp sư Vô Thượng, được đặt pháp danh là Pháp Viên. Năm Dân Quốc 38 (1949), do lão cư sĩ Lại Đồng Lương tiến cử, bà được theo học với lão cư sĩ Lý Bình Nam, được thầy đặt tự hiệu là Huệ Trị. Vâng lệnh thầy, bà xin thọ tại gia Bồ Tát giới tại chùa Đại Tiên ở Đài Nam do lão hòa thượng Khai Tham làm đàn đầu hòa thượng. Bà là một trong những phụ tá đắc lực của ngài Lý Bình Nam trong công tác kiến thiết, hoằng pháp lợi sanh tại Đài Trung Phật Giáo Liên Xã. Bà chủ trương “Phật hóa gia đình” nhằm an định xã hội, giảm thiểu chướng ngại trên đường vãng sanh. Bà cũng đi các nơi tuyên dương giáo pháp Tịnh Độ. Bà còn biên soạn các tác phẩm Niệm Phật Cảm

ấy, bà ta đã sáu mươi, học xong Tiểu Học. Tôi thấy vậy, tín tâm vẹn mười, tôi có nhiều ưu thế hơn họ nhiều lắm!

Tôi được huấn luyện tại đó hai năm, vừa xuất gia liền giảng kinh, dạy trong Phật Học Viện. Tôi chưa từng theo học tại Phật Học Viện, nhưng vừa xuất gia liền làm giáo sư trong Phật Học Viện, hiện nay tôi đã giảng dạy hai mươi bảy năm. Như vậy là mỗi người [trong số học sinh thuở ấy của thầy Lý Bình Nam] đều có thể thành tựu. Tôi chính thức dạy Đại Học tròn năm năm, tôi giảng kinh ở ngoại quốc, thính chúng bảy mươi phần trăm có học vị Tiến Sĩ. Do vậy, quý vị phải tự mình nỗ lực, chỉ cần đúng pháp thì không một ai chẳng thành tựu. Học giảng kinh phải có cái tâm thường hằng, nghị lực, đừng sợ chướng ngại. Đầu tiên, nhất định sẽ giảng không hay, nhất định bị người ta phê bình, quý vị đừng ngã lòng. “Người này giảng kinh không được”, quý vị càng phải phát tâm: “Do vì tôi giảng không được, tôi mới muốn lên đài giảng. Nếu tôi đã làm được, tôi chẳng cần giảng”. Phải như vậy mới được! Quý vị mới có thể thành công. Do chưa được nên phải luyện tập trên đài giảng; làm được rồi, đã vững vàng rồi, không giảng nữa! Quý vị dập đầu, chấp tay thỉnh, tôi vẫn chưa chắc giảng cho quý vị! Là vì chưa làm được nên mới giảng. Hết thầy chướng ngại đều chẳng thể ngăn trở quý vị, quý vị bền thành công. Quý vị hãy suy nghĩ: Tuổi tác, học vấn của quý vị so với chúng tôi đều tốt đẹp hơn rất nhiều; do vậy, quý vị phát tâm, trong tương lai nhất định thành tựu vượt trội chúng tôi. Đây là chuyện đúng lý đương nhiên. Do vậy, nhất định phải chịu phát tâm.

Điểm đặc sắc của Đài Trung là học sinh học ngay trên giảng đài, chẳng phải là học ở dưới đài. Mỗi học sinh đều phải lên giảng. Đài Trung Liên Xã huấn luyện nữ chúng, Linh Sơn Tự huấn luyện nam chúng. Người nghe cũng từ bảy tám chục người cho đến hơn một trăm người. Những người ấy đúng là công đức vô lượng. Không có những người ấy đến ủng hộ, chúng tôi học cũng chẳng thành. Là vì có nhiều người đến nghe đường ấy, chúng tôi mỗi tuần phải lên giảng một lần, ắt phải chuẩn bị rất cẩn thận. Do vậy, khi học giảng kinh rất khổ, mỗi tuần tôi thiểu phải giảng kinh một lần, có ba đêm không ngủ, chẳng biết phải làm sao cho tốt, ăn cơm chẳng biết mùi vị gì, toàn bộ tinh thần đều đổ vào kinh điển. Huấn luyện như vậy mới nên người được. Do vậy, học sinh trong Phật Học Viện không thành công, không xuất đầu lộ diện được là vì sao? Họ không nếm trải những nỗi khổ ấy.

Ứng Kiến Văn Ký, Phật Thuyết A Di Đà Kinh Thiển Giảng, Khuyến Tu Niệm Phật Pháp Môn Thiển Giảng

Thuở ấy, chúng tôi giảng kinh, thầy Lý dặn nhất định phải soạn bài giảng. Quý vị phải biết, giảng kinh một tiếng rưỡi phải ghi chép một vạn năm ngàn chữ, do vậy, mỗi tuần phải soạn bài giảng đến một vạn năm ngàn chữ. Bài giảng ấy phải sửa đổi mấy lượt, lại còn phải luyện tập trước một lượt, hai lượt thì mới có thể lên bục giảng biểu diễn. Quý vị nghĩ xem có khổ hay không? Nhưng một bộ kinh giảng liên tục mấy tuần lễ, ai nấy đều giảng phờ phạc. Ném trái nổi khổ ấy rất có giá trị! Sau khi giảng xong một bộ kinh, pháp hỷ sung mãn; giảng lần thứ hai sẽ đỡ tốn sức rất nhiều, vì đã có kinh nghiệm, càng giảng càng hay. Do vậy, nhất định phải lên đài giảng, nhất định phải soạn bài giảng, phải có chuẩn bị chu đáo. Có như vậy thì mới có thể thành công! Chẳng chịu khổ, sẽ không có cách nào hết, chẳng thể nào thành tựu! Đây là nói về chuyện học rộng, quý vị nhất định phải hiểu học Phật khác với học thuật thế gian. Nếu dùng phương pháp và thái độ của học thuật thế gian để học Phật, chắc chắn thất bại!

(Sớ) Văn học, tắc trí chi bất thâm.

(疏) 晚學，則智之不深。

(Sớ: “Văn học” là trí chẳng sâu).

“Văn học” là mới học, hậu học, trí huệ chẳng sâu.

(Diễn) Trí chi bất thâm giả, phi vi kỳ sư túc đức, cửu tu đạo hạnh, trí huệ thâm viễn dã.

(演) 智之不深者，非為耆師宿德，久修道行，智慧深遠也。

(Diễn: “Trí chẳng sâu”: Chẳng phải là bậc thầy tuổi cao, đức trọng, tu tập đạo hạnh đã lâu, trí huệ sâu xa).

“Kỳ” (耆) là đã có tuổi, từ sáu mươi trở lên đều có thể gọi là “kỳ”, tức là người già. Theo thói quen, thường là từ bảy mươi tuổi trở lên mới gọi là “kỳ”. Câu này có nghĩa là: Tuổi cao, đức trọng. “Cửu tu đạo hạnh, trí huệ thâm viễn”, tôi chẳng phải là như vậy, bất luận về tuổi tác, đức hạnh, đạo đức đều chẳng bằng người khác. Đây cũng là đại sư nói khiêm hư.

(Sớ) Sự thả vị năng, hướng phục tri Lý.

(疏) 事且未能，況復知理。

(Sớ: Sự còn chưa thể [tu tập], huống còn biết Lý?)

“Sự” là gì? Là niệm Phật. Một câu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối tôi còn chưa niệm nên thân, huống chi lý Tịnh Độ rất sâu, làm sao tôi có thể hiểu rõ?

(Sớ) Minh sở ngôn bất túc thủ tín ư nhân dã.

(疏) 明所言不足取信於人也。

(Sớ: Biết rõ lời của mình chẳng đáng cho người khác tin tưởng).

Bản thân tôi biết rất rõ, lời tôi nói chưa chắc người ta đã chịu tin tưởng. Đây là nói rõ chính mình là kẻ mới học. Chúng ta có thể thấy rất rõ ràng: Những lời này đều là lời lẽ khiêm hư của Liên Trì đại sư, thật sự khiêm hư.

(Sớ) Tô bỉ giả, tự tri thiên liệt, quý bỉ không đàm, sở vị: Sĩ kỳ ngôn nhi quá kỳ hạnh dã.

(疏) 素鄙者，自知淺劣，愧鄙空談，所謂恥其言而過其行也。

(Sớ: “Trợn thẹn” là tự biết mình nông cạn, hèn tẻ, xấu hổ vì nói suông, nghĩa là: Hổ thẹn vì lời nói vượt quá việc làm).

Tự mình biết căn tánh của chính mình nông cạn, kém hèn. Do vậy, chẳng muốn đàm huyền thuyết diệu, [tức là] chẳng muốn bàn luận những lý luận cao sâu, vì sao? Nói ra mà chính mình không làm được, “ngôn nhi quá kỳ hạnh”, đó gọi là “không đàm” (bàn suông). Tiếp theo đây có một tỷ dụ:

(Sớ) Họa bánh khả tri.

(疏) 畫餅可知。

(Sớ: [Tỷ dụ] bánh vẽ [trong lời tựa] ý nghĩa dễ hiểu).

Bánh vẽ chẳng thể đỡ đói!

(Sớ) Yên thạch giả, tự ngọc nhi phi ngọc giả dã.

(疏) 燕石者，似玉而非玉者也。

(Sớ: Đá non Yên giống như ngọc, nhưng chẳng phải là ngọc).

Đây là tỷ dụ. “*Yên thạch*”⁵ là loại đá khá đẹp, thoát nhìn giống như ngọc, nhưng thật sự chẳng phải là ngọc. Dưới đây, đại sư dẫn một câu chuyện nhỏ.

(Sớ) *Cổ hồ giả, Tây Vực cổ nhân thiện biệt bảo giả dã.*

(疏) 賈胡者，西域賈人善別寶者也。

(Sớ: “*Cổ hồ*”: *Lái buôn Tây Vực giỏi phân biệt các vật báu).*

“*Cổ nhân*” là người làm nghề buôn bán, nay chúng ta gọi họ là “thương nhân kinh doanh châu báu”. Những thương nhân kinh doanh châu báu ấy biết giá trị hàng hóa, họ có thể phân biệt bảo thạch là thật hay giả.

(Sớ) *Tích hữu đắc Yên thạch giả.*

(疏) 昔有得燕石者。

(Sớ: Xưa kia có người có được một tảng đá từ non Yên).

“*Tích*” là quá khứ, “*hữu đắc Yên thạch giả*”, nhặt được một tảng đá [từ Yên Sơn].

(Sớ) *Tự vị du cần.*

(疏) 自謂瑜瑾。

(Sớ: Tự bảo là ngọc quý).

“*Du cần*”⁶ là ngọc quý. Người ấy tự cho là mình có một khối ngọc quý.

(Sớ) *Kiều huyễn tục mục, ký đắc trọng thụ.*

(疏) 驕眩俗目，冀得重售。

(Sớ: Kiêu căng, khoe khoang với những kẻ gà mờ, mong bán cao giá).

⁵ Yên Sơn là một rặng núi thuộc tỉnh Hà Bắc, chạy từ phía Tây sông Triều Bạch đến Sơn Hải Quan, đỉnh cao nhất là ngọn Vụ Lĩnh. Đá núi này rất đẹp, có màu sắc tươi tắn, rực rỡ, nếu không chú ý sẽ tưởng lầm là ngọc thạch.

⁶ Du và Cần là tên những loài ngọc quý, chữ “du cần” thường được dùng để chỉ chung các loại ngọc quý, cũng như dùng làm mỹ từ để khen ngợi đức hạnh của người khác.

Người ấy hy vọng bán với giá rất khá, bán được rất nhiều tiền, rất ngạo mạn, khoe khoang, “*tục mục*” là những người không biết giá trị. Đối trước những kẻ không biết giá trị mà khoác lác.

(Sớ) Dĩ thị cổ hồ, viết: “Thạch dã”. Đại tàm nhi phản.

(疏) 以示賈胡，曰：石也。大慚而返。

(Sớ: Đưa cho lái buôn Tây Vực xem, người ấy bảo: “Đá đấy mà!” Hết sức xấu hổ, tháo lui).

Gặp phải người thông thạo, biết nó chẳng phải là bảo thạch, chẳng phải là ngọc, mà là đá, chính mình hết sức hổ thẹn. Những ý nghĩa bao hàm trong tỷ dụ này rất sâu! Ngọc quý ví như chánh pháp, đá non Yên ví như tà pháp, ngoại đạo. Về ngoại đạo thì có ngoại đạo trong nhà Phật, được gọi là “*môn nội ngoại*” (ngoại đạo trong Phật môn), lại còn có ngoại đạo dựa hơi Phật giáo, khoác chiêu bài Phật giáo, nhưng tu tập ngoại đạo. Do vậy, những đồng tu chúng ta phải chú ý: Có rất nhiều người thường gởi sách đến chỗ chúng ta, chớ nên tùy tiện bày ra, phải kiểm tra cẩn thận có phải là ngoại đạo hay không. Hoặc nhìn thấy những bản chú giải kinh Kim Cang, Tâm Kinh, xem kinh văn thì chẳng sai, nhưng nếu đọc lời chú giải sẽ thấy nói nhăng, nói cuội, lời lẽ yêu quái mê hoặc đại chúng, hại người! Nếu chúng ta nhận được những thứ sách ấy phải mau chóng đốt đi.

Ngàn vạn phần đừng cho rằng: Đốt đi sợ mắc tội! Không có tội! Đốt đi sẽ có công đức, vì sao? Chẳng hại người! Do vậy, đối với những loại sách vở đó, nhất định phải hết sức thận trọng. Tiếp theo đây là nói tỷ dụ:

(Sớ) Dụ y hy kiến đạo, phảng phát bất chân, minh nhãn nhân tiền, kham tác nhất tiếu.

(疏) 喻依稀見道，彷彿不真，明眼人前，堪作一笑。

(Sớ: Sánh ví thấy đạo ít ỏi, chỉ mừng tượng chẳng thật, đáng làm trò cười trước người mắt sáng).

Trước kia là như vậy, hiện thời không như thế. Hiện tại, những thứ này rất nhiều, nhưng chúng ta quả thật thiếu huệ nhãn, rất khó phân biệt. Ở Mỹ, tôi gặp một vị đồng tu, ông ta nói cũng học Phật tại Đài Loan, nhưng chẳng biết là học với người nào trong giới Phật giáo, ông ta cũng rất tin tưởng. [Người ấy] thường kêu ông ta đến lễ bái, bỏ tiền làm công đức, lại hỏi mượn tiền của ông ta, mở hội gì đó. Kết quả là ông ta bị kẻ ấy

lừa tới một trăm vạn. Tới Mỹ, nghe tôi giảng kinh, hoàn toàn khác hẳn những gì ông ta được nghe trước kia, ông ta mới biết mình bị lừa gạt quá sức. Do vậy, thế nào là tà, thế nào là chánh, chúng ta phải phân biệt rõ ràng, quyết định chớ tưởng đá là ngọc, chớ nên coi Phật pháp giả mạo là chánh pháp. Nếu quý vị hỏi: Chánh pháp là gì? Thì bộ Di Đà Kinh Sớ Sao này thật sự là chánh pháp, hãy chiếu theo lý luận này để tu học, chắc chắn chẳng sai lầm. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!